TRUNG TÂM Y TẾ TPBL
KHOA DƯỢC-TTB-VTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TIN THUỐC
V/v thông tin sử dụng thuốc BHYT từ chối thanh toán

Kính gửi: - Các khoa, phòng tại Trung tâm Y tế thành phố Bạc Liêu;
- Các Trạm Y tế xã, phường.

Qua giám định BHYT quý III/2024 nhằm cung cấp thông tin thuốc để đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý, hạn chế việc bị từ chối thanh toán thuốc tại trung tâm, tổ dược lâm sàng – thông tin thuốc tóm tắt thông tin sử dụng một số thuốc bị từ chối thanh toán như sau:

I. Thông tin thuốc :

TT	Thuốc	Thông tin sử dụng thuốc
1	**Metformin 850mg (Metformin Stella 850mg) Viên nén bao phim**	**Nhóm dược lý:** Thuốc giảm glucose huyết, trừ insulin; Các biguanid. **Dược động học:** F = 50-60% và có thể giảm khi dùng chung với thức ăn. T1/2 từ 2-6 giờ. **Dược lực học:** Metformin là thuốc chống đái tháo đường thuộc nhóm biguanid. Metformin làm giảm nồng độ glucose trong huyết tương, khi đói và sau bữa ăn, ở người bệnh đái tháo đường type 2. Cơ chế tác dụng ngoại biên của Metformin là làm tăng sử dụng glucose ở tế bào, cải thiện liên kết của insulin với thụ thể và có lẽ cả tác dụng sau thụ thể, ức chế tổng hợp glucose ở gan và giảm hấp thu glucose ở ruột. Ngoài tác dụng chống đái tháo đường, metformin phần nào có ảnh hưởng tốt trên chuyển hoá lipoprotein, thường bị rối loạn ở người đái tháo đường không phụ thuộc insulin. **Chỉ định:** - Điều trị bệnh đái tháo đường không phụ thuộc insulin: đơn trị liệu khi không thể điều trị tăng glucose huyết bằng chế độ ăn đơn thuần. - Có thể dùng metformin đồng thời với một sulfonylure khi chế độ ăn và khi dùng metformin hoặc sulfonylure đơn thuần không có hiệu quả kiểm soát glucose huyết một cách đầy đủ. **Chống chỉ định:** - Người bệnh có trạng thái dị hoá cấp tính,

		nhiễm khuẩn, chấn thương (phải được điều trị dái tháo đường bằng insulin). - Giảm chức năng thận do bệnh thận, hoặc rối loạn chức năng thận (creatinin huyết thanh lớn hơn hoặc bằng 1,5mg/dl ở nam giới hoặc bằng 1,4 mg/dl ở phụ nữ), có thể do những tình trạng bệnh lý như truy tim mạch, nhồi máu cơ tim cấp tính và nhiễm khuẩn huyết gây nên. - Bệnh suy thận nặng (eGFR dưới 30ml/phút/1,73m^2). - Bệnh nhân toan chuyển hoá cấp tính hoặc mãn tính, bao gồm cả nhiễm toan ceton do tiểu đường. - Bệnh gan nặng, bệnh tim mạch nặng, bệnh hô hấp nặng với giảm oxygen huyết. - Suy tin sung huyết, truy tim mạch, nhồi máu cơ tim cấp tính. - Bệnh phổi thiếu oxy gen mạn tính - Nhiễm khuẩn nặng, nhiễm khuẩn huyết. - Những trường hợp mất bù chuyển hoá cấp tính. - Người mang thai. - Phải ngừng tạm thời metformin cho người bệnh chụp Xquang có tiêm các chất cản quang có iod vì sử dụng những chất này có thể ảnh hưởng cấp tính đến chức năng thận. - Hoại thư, nghiện rượu, thiếu dinh dưỡng. **Tương tác thuốc:** - Giảm tác dụng: những thuốc có xu hướng gây tăng glucose huyết (thuốc lợi tiểu,corticosteroid, phenothiazin, những chế phẩm tuyến giáp, estrogen, thuốc tránh thai đường uống, phenytoin,acid nicotinic, những thuốc kích thích thần kinh giao cảm, những thuốc chẹn kênh calci,isoniazid) có thể dẫn đến mất kiểm soát glucose huyết. - Tăng tác dụng: Furosemid làm tăng nồng độ tối đa metformin trong huyết tương và trong máu,mà không làm thay đổi hệ số thanh thải thận của metformin trong nghiên cứu dùng một liều duy nhất. - Tăng độc tính: Những thuốc cationic (ví dụ amilorid, digoxin, morphin, procainamid, quinidin,

		quinin, ranitidin, triamteren, trimethoprim, và vancomycin) được thải trừ nhờ bài tiết qua ống thận có thể có khả năng tương tác với metformin bằng cách cạnh tranh với những hệ thống vận chuyển thông thường ở ống thận. Cimetidin làm tăng (60%) nồng độ đỉnh của metformin trong huyết tương và máu toàn phần, do đó tránh dùng phối hợpmetformin với cimetidin.
2	**Diosmin 600mg (Isaias) Viên nén bao phim**	**Dược động học:** Cmax đạt được sau khi uống 5 giờ. T1/2 khoảng 11h. **Dược lực học:** - Thuốc làm giãn tĩnh mạch và làm giảm sự ứ trệ máu ở tĩnh mạch. - Thuốc làm bình thường hoá tính thấm mao mạch và tăng cường sức bền mao mạch. - Thuốc làm tăng trương lực của tĩnh mạch. **Chỉ định:** - Điều trị các triệu chứng có liên quan đến suy tuần hoàn tĩnh mạch mạn tính (nặng chân, đau, chân khó chịu vào buổi sáng sớm, phù, co cứng chân khi ngủ) - Điều trị hỗ trợ chứng dễ vỡ mao mạch - Điều trị các dấu hiệu chức năng có liên quan đến cơn trĩ cấp. **Liều dùng:** - Suy tĩnh mạch bạch huyết: 1 viên mỗi ngày vào trước bữa ăn sáng. - Trĩ cấp tính: 2-3 viên/ngày, uống trong bữa ăn. **Chống chỉ định:** - Dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc - Phụ nữ cho con bú không nên dùng thuốc
3	**Diosmin + Hesperidin (Agiosmin) Viên nén bao phim**	**Chỉ định:** - Điều trị triệu chứng liên quan tới suy tĩnh mạch bạch huyết. Chân đau, nặng chân, phù chân, chuột rút về đêm và hội chứng chân không yên. - Điều trị triệu chứng trong bệnh trĩ. **Cách dùng và liều dùng:** - Điều trị triệu chứng liên quan đến suy tĩnh mạch bạch huyết: liều thông thường 2 viên/ ngày, uống 1 viên vào buổi trưa, 1 viên vào buổi tối. - Điều trị triệu chứng trong bệnh trĩ: 6 viên/

		ngày trong 4 ngày đầu, sau đó 4 viên/ngày trong 3 ngày tiếp theo. - Trẻ em và thanh thiếu niên dưới 18 tuổi: tham khảo ý kiến của bác sĩ. **Tương tác thuốc:** Hesperidin có thể làm giảm nhẹ sinh khả dụng của fexofenadin.
4	**Nhôm hydroxyd + magnesi hydroxyd + simethicon (Simelox; Gelactive Fort)**	**Chỉ định:** - Chứng khó tiêu, ợ nóng. - Thừa acid dạ dày. - Dạ dày có cảm giác khó chịu do các triệu chứng khó tiêu, ợ nóng, thừa acid dạ dày. - Đầy hơi. - Gelactive Fort làm dịu các triệu chứng rối loạn tiêu hoá liên qua đến tăng acid dạ dày: ợ nóng. khó tiêu, đầy hơi. **Chống chỉ định:** - Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc. - Suy nhược nặng hoặc suy thận hoặc giảm phosphat huyết. **Cách dùng và liều dùng:** - Simelox: không dùng quá 8 gói/24 giờ hoặc dùng liều lượng tối đa trong hơn 2 tuần. + Người lớn và trẻ em >= 12 tuổi: uống 2-4 gói/ lần, 2 lần/ngày hoặc theo chỉ dẫn của bác sĩ. + Trẻ em dưới 12 tuổi: tham khảo ý kiến của bác sĩ. - Gelactive fort: + Người lớn: uống 1-2 gói/lần x 4 lần/ ngày. uống 20 phút đến 1 tiếng sau bữa ăn, trước khi đi ngủ hoặc khi thấy khó chịu. + Trẻ em 12-18 tuổi: uống 1-2 gói/lần x 3-4 lần/ngày, uống 20 phút đến 1 tiếng sau bữa ăn, trước khi đi ngủ hoặc khi thấy khó chịu. + Trẻ em 2-5 tuổi: tối đa 1 gói, 3 lần/ngày. + Trẻ em dưới 2 tuổi: không khuyến cáo sử dụng. **Tương tác thuốc:** - Tất cả các thuốc kháng acid đã được biết đến về việc gây trở ngại cho sự hấp thu của các thuốc như: tetracyclin, vitamin, ciprofloxacin.

		ketoconazol, hydroxychloroquin, chloroquin, chlorpromazin, rifampicin, cefdinir, cefpodoxim, levothyroxin, rosuvastatin. - Levothyroxin cũng có thể liên kết với simethicon làm chậm hoặc giảm hấp thu levothyroxin. - Thận trọng khi sử dụng đồng thời với polystyren sulphonat do nguy cơ làm giảm tác dụng gắn kết với kali của nhựa resin, nguy cơ nhiễm kiềm chuyển hoá ở bệnh nhân suy thận. - Sử dụng đồng thời nhôm hydroxyd và citrat có thể làm tăng nồng độ nhôm, đặc biệt ở bệnh nhân suy thận. - Magnesi hydroxyd ảnh hưởng đến sự kiềm hoá nước tiểu do đó có thể làm thay đổi sự bài tiết của một số thuốc như làm tăng sự bài tiết của salicylat.

Tài liệu tham khảo:

Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

II.Thông tin thuốc từ chối thanh toán Quý III/2024:

Kê đơn thuốc có chống chỉ định thuốc : Caldihasan, Metformin stella 850mg, Diclofenac 50mg.

Kê đơn thuốc không đúng chỉ định theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc Agiosmin (Diosmin + Hesperidin 450mg + 50mg), Alanboss XL 10 (Alfuzosin 10mg), Pantium-40 (Pantoprazole 40mg), Varogel (Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon (800,4mg + 611,76mg + 80mg)/10ml), Gelactive (Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd (400mg + 300mg)/10ml), Gelactive Fort (Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon 400mg + 300mg + 30mg), Esomeprazol 20mg, OCID (Omeprazol 20mg).

Bạc Liêu, ngày 12 tháng 12 năm 2024

DUYỆT LÃNH ĐẠO

SỞ Y TẾ TỈNH BẠC LIÊU
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ BẠC LIÊU

Dương Thị Xuân Hường

NGƯỜI THÔNG TIN

Huỳnh Nhựt Xuân Mai

Nơi nhận :
- Như kính gửi;
- Lưu : Tổ DLS -TTT.